

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2022/DSST**  
Ngày: 20/6/2022  
V/v: Tranh chấp hợp đồng đại lý

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Đức Hòa;

2/ Ông Phạm Thành Đô;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST – KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng đại lý” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST – KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần phân bón Max O

Địa chỉ: L6 F2A, đường số 2, KCN T, TT C, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Kim B

Địa chỉ: 53/1/28, Trần Khánh D, phường T, quận 1, tp. Hồ Chí Minh

(Theo hợp đồng ủy quyền số 10/2021/HĐUQ ngày 25/2/2021 và giấy ủy quyền số 75/2021/GUQ ngày 8/11/2021)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L – chủ đại lý VTNN Đoàn Ph

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2021 của nguyên đơn Công ty cổ phần phân bón Max O và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên*

*đơn ông Đào Kim B trình bày:* Ngày 02/3/2020 Công ty cổ phần phân bón Max O (sau đây gọi tắt là Công ty Max O đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng số 373/HĐMB-MX với ông Phạm Văn L. Theo nội dung của hợp đồng mua bán thì Công ty Max O bán cho ông Phạm Văn L sản phẩm do công ty sản xuất hoặc phân phối và ông Phạm Văn L mua những sản phẩm do công ty sản xuất hoặc phân phối. Thời hạn thanh toán đơn hàng là trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất kho cho ông Phạm Văn L. Trong trường hợp 06 tháng mà ông Phạm Văn L không đạt được 40% sản lượng của năm hoặc cả năm đạt dưới 70% sản lượng cam kết thì Công ty Max O có quyền mở đại lý trong khu vực hoặc thanh lý hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên giao nhận và thanh toán tiền như nội dung thỏa thuận. Đến ngày 30/9/2020 thì ông Phạm Văn L còn nợ công ty số tiền 77.120.000đ. Việc chốt nợ này có lập biên bản đối chiếu công nợ. Ngày 28/02/2021 ông Phạm Văn L thanh toán số tiền 10.000.000đ. Ngày 20/4/2021 Công ty đã gửi văn bản thông báo đến ông Phạm Văn L yêu cầu thanh toán số nợ và đưa ra thời hạn 7 ngày phải trả lời nhưng đến nay Công ty vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của ông Phạm Văn L cũng như thanh toán số tiền nói trên cho công ty. Căn cứ vào Điều 8.2 và Điều 3.2 của hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng số 373/HĐMB-MX ông Phạm Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho công ty. Do đó, công ty khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn L phải thanh toán cho Công ty số tiền 67.120.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/11/2020 với lãi suất 10%/ năm cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Kim B khai nhận: Sau khi chốt lại số tiền nợ thì ngày 28/2/2020 ông Phạm Văn L thanh toán số tiền 10.000.000đ. Ngày 20/4/2021 Công ty đã gửi văn bản thông báo đến ông Phạm Văn L yêu cầu thanh toán số nợ. Sau đó ông Phạm Văn L đã thanh toán với số tiền 50.000.000đ, cụ thể: Ngày 28/4/2021 ông Phạm Văn L thanh toán số tiền 20.000.000đ. Ngày 26/11/2021 ông Phạm Văn L thanh toán số tiền 30.000.000đ. Do ông Phạm Văn L là đại lý của Công ty Max O nên đã chiết khấu tiền hoa hồng là 360.000đ (trừ vào số tiền nợ) nên ông Phạm Văn L còn nợ công ty Max O số tiền là 16.760.000đ. Vì vậy, nay Công ty Max O khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn L trả số tiền còn nợ là 16.760.000đ và tiền lãi tính từ ngày có đơn khởi kiện với lãi suất 10%/ năm.

*Bị đơn ông Phạm Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn L trình bày:* Ông là người đại diện theo pháp luật của cửa hàng vật tư nông nghiệp Đoàn Phương theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 000123, đăng ký lần đầu ngày 01/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 01/4/2017.

Ông có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Max O nhưng không nhớ thời gian nào. Về quyền và nghĩa vụ của cửa hàng như được ghi trong hợp đồng mua bán hàng hóa lập ngày 2/3/2020. Ông xác nhận chữ ký trong hợp đồng mua bán hàng hóa lập ngày 2/3/2020 là chữ ký của ông. Trong thời gian ký hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty Max O, ông có nhập hàng hóa của công ty nhưng không

nhớ số lượng, thời gian. Ông xác nhận sau khi các bên đối chiếu công nợ thì đến ngày 19/4/2021 ông có nhận thông báo về việc thanh toán nợ của Công ty Max One. Sau đó, ông đã trả cho công ty với tổng số tiền 50.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản, lần 1 trả 20.000.000đ vào ngày 29/4/2021, lần 2 trả 30.000.000đ vào ngày 26/11/2021. Hiện nay, ông còn nợ lại Công ty số tiền 16.700.000đ. Nay, công ty khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn lại ông đồng ý trả.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 166, Điều 172, Điều 175 và Điều 306 của Luật Kinh doanh năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng 16.760.000đ và tiền lãi do chậm thanh toán tiền hàng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: Công ty Max O khởi kiện ông Phạm Văn L yêu cầu trả số tiền 16.760.000đ và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty Max O cung cấp hợp đồng mua bán hàng hóa để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng đại lý”. Bị đơn ông Phạm Văn L cư trú tại thôn 1, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét giao dịch giữa Công ty Max O và ông Phạm Văn L là hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Thương mại năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét nội dung khởi kiện của Công ty Max O yêu cầu ông Phạm Văn L trả số tiền 16.760.000đ: Ngày 02/3/2020, Công ty Max O đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng số 373/HĐMB-MX với ông Phạm Văn L. Theo nội dung của hợp đồng mua bán thì Công ty Max O bán cho ông Phạm Văn L sản phẩm do công ty sản xuất hoặc phân phối và ông Phạm Văn L mua những sản phẩm do công ty sản xuất hoặc phân phối. Trong trường hợp 06 tháng mà ông Phạm Văn L không đạt được 40% sản lượng của năm hoặc cả năm đạt dưới 70% sản lượng cam kết thì Công ty Max O có quyền mở đại lý trong khu vực hoặc thanh lý hợp đồng. Phía Công ty Max O xác nhận thù lao đại lý được chi trả dưới hình thức hoa hồng. Tại Điều 166 của Luật Thương mại quy định: “*Đại lý thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên giao đại lý và bên đại lý thoả thuận việc bên đại lý nhân danh chính mình mua, bán hàng hoá cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của*

*bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao*”. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hoạt động thương mại giữa Công ty Max O và ông Phạm Văn L là hoạt động đại lý. Hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng số 373/HĐMB-MX lập ngày 2/3/2020 là hợp đồng đại lý.

Đến ngày 30/9/2020 giữa Công ty Max O và ông Phạm Văn L đối chiếu công nợ và chốt lại số tiền ông Phạm Văn L còn nợ công ty là 77.120.000đ. Việc chốt nợ này có lập biên bản đối chiếu công nợ. Sau đó, ông Phạm Văn L đã thanh toán số tiền là 60.000.000đ, thanh toán làm 03 lần, cụ thể: Ngày 28/2/2021 thanh toán 10.000.000đ, ngày 28/4/2021 thanh toán 20.000.000đ và ngày 26/11/2021 thanh toán 30.000.000đ. Ông Phạm Văn L được thanh toán tiền chiết khấu hoa hồng là 360.000đ (trừ vào số tiền còn nợ) nên số tiền ông Phạm Văn L còn nợ là 16.760.000đ. Ông Phạm Văn L xác nhận việc chốt nợ và việc thanh toán nói trên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ông Phạm Văn L còn nợ tiền hàng của Công ty Max O với số tiền 16.760.000đ là có thật.

Tại Điều 3 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 373/HĐMB-MX lập ngày 2/3/2020 ghi nhận: *“Thời hạn thanh toán đơn hàng là trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất kho cho bên B hoàn thành”*. Tại khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 373/HĐMB-MX lập ngày 2/3/2020 ghi nhận: *“Bên B phải thanh toán cho bên A đúng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng....”*. Ngày 15/10/2020 ông Phạm Văn L đã đối chiếu số tiền còn nợ với Công ty Max O là 67.120.000đ thể hiện qua biên bản đối chiếu nợ phải thu. Ông Phạm Văn L đã thanh toán 50.000.000đ, chiết khấu tiền hoa hồng là 360.000đ (trừ vào số tiền nợ) nên số tiền ông Phạm Văn L còn nợ lại là 16.760.000đ. Tại khoản 4 Điều 172 của Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Quyền của bên giao đại lý. 4. Yêu cầu bên đại lý thanh toán tiền hoặc giao hàng theo hợp đồng đại lý”*. Như vậy, bên đại lý là ông Phạm Văn L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Công ty Max O về việc yêu cầu thanh toán số tiền 16.760.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, Công ty Max O yêu cầu ông Phạm Văn L trả tiền lãi tính từ ngày 15/11/2020 với lãi suất 10%/ năm tạm tính là 3.356.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn L trả tiền lãi theo lãi suất 10%/ năm tính từ ngày Công ty Max O có đơn khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Điều 306 của Luật Kinh Doanh năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời*

*điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả....”*. Tại khoản 5 Điều 466 củ Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả...”*. Như vậy, Công ty Max O yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 10%/ năm có căn cứ chấp nhận.

Xét thời hạn chậm thanh toán tiền hàng: Ngày 30/9/2020 thì ông Phạm Văn L và Công ty Max O có đối chiếu công nợ, xác định số tiền ông Phạm Văn L còn nợ lại là 77.120.000đ. Ngày 20/4/2021 Công ty đã gửi văn bản thông báo đến ông Phạm Văn L yêu cầu thanh toán số nợ và đưa ra thời hạn 7 ngày phải trả lời. Tại Điều 3 của hợp đồng mua bán hàng hóa số 373/HĐMB-MX lập ngày 2/3/2020 ghi nhận: *“Thời hạn thanh toán đơn hàng là trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất kho cho bên B hoàn thành. Quá thời hạn này mà bên B không thanh toán cho bên A thì được xem như bên B thanh toán trễ hẹn”*. Do đó, Công ty Max O yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày Công ty có đơn khởi kiện (ngày 21/5/2021) là phù hợp. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 21/5/2021 đến ngày 20/6/2022 (ngày xét xử) là 12 tháng 30 ngày x 0,83%/ tháng x 16.760.000đ = 1.808.404đ.

Như vậy, ông Phạm Văn L phải thanh toán cho Công ty Max O với tổng số tiền là 16.760.000đ + 1.808.404đ = 18.568.404đ.

[5] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, bị đơn ông Phạm Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 166, Điều 172, Điều 175, Điều 306 của Luật Kinh doanh năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần phân bón Max One về việc “tranh chấp hợp đồng đại lý”

Buộc bị đơn ông Phạm Văn L thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần phân bón Max O số tiền hàng là 16.760.000 đồng và tiền lãi là 1.808.404 đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán là: 18.568.404 đồng.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000đồng.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần phân bón Max O số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000108 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thị Phương Hạnh**